

NGHIÊN CỨU ẪN DỤ Ý NIỆM VỀ “RAIN”/ “MƯA”, “SUNSHINE”/ “NẮNG” TRONG CÁC CA KHÚC TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT Ở THẾ KỶ 20

A STUDY OF CONCEPTUAL METAPHORS OF “RAIN”/ “MƯA”, “SUNSHINE”/ “NẮNG” IN ENGLISH VS VIETNAMESE 20th CENTURY SONGS

Hồ Thị Kiều Oanh¹; Nguyễn Thị Khánh Ly²

¹Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

²Học viên Cao học Khoa 27, ngành Ngôn ngữ Anh, Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt - Bài báo tập trung phân tích đối chiếu ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa”, “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20 từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận. Dựa trên cơ sở lý thuyết của nhiều nhà ngôn ngữ học, đặc biệt là của Lakoff, Johnson [3] và Kovesces [2], cùng với việc khảo sát 360 ví dụ từ khoảng 300 bài hát, chúng tôi tìm ra 6 nhóm ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa” và 7 nhóm ẩn dụ ý niệm của “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20. Qua phân tích, chúng tôi nêu lên những điểm tương đồng và khác biệt của ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa” và “sunshine”/ “nắng” trong cả 2 ngôn ngữ. Ngoài ra, bài nghiên cứu còn giải thích sự hình thành của một số hình ảnh ẩn dụ ý niệm của “rain”/ “mưa” và “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc ở thế kỷ 20.

Từ khóa - ẩn dụ ý niệm; mưa; nắng; nhạc; bài hát; thế kỷ 20.

Abstract - This paper aims at conducting a contrastive analysis of conceptual metaphors of “rain”/ “mưa”, “sunshine”/ “nắng” in English vs Vietnamese 20th century songs from the view of cognitive linguistics. Based on the theoretical background of many linguists, especially that of Lakoff, Johnson [3] and Kovesces [2], as well as the investigation into 360 samples from approximately 300 songs, the paper has found out 6 conceptual metaphors of “rain”/ “mưa” and 7 conceptual metaphors of “sunshine”/ “nắng” in English vs Vietnamese 20th century songs. After analysing the data, the paper has pointed out the similarities and the differences of these conceptual metaphors between the two languages. In addition, the paper also explains the formation of some metaphorical images of “rain”/ “mưa”, “sunshine”/ “nắng” in 20th century songs.

Key words - conceptual metaphors; rain; sunshine; music; song; 20th century.

1. Đặt vấn đề

Theo cách hiểu truyền thống, ẩn dụ được coi là một vấn đề của ngôn ngữ, không phải là vấn đề của tư duy. Theo đó, trong ngôn ngữ hằng ngày không có ẩn dụ và ẩn dụ sử dụng những cấu trúc không có trong ngôn ngữ thông thường. Tuy nhiên, một quan điểm mới về ẩn dụ đã thách thức các lý thuyết truyền thống một cách chặt chẽ và có hệ thống. Quan điểm này được nêu lên lần đầu tiên trong cuốn “Metaphor we live by”, một nghiên cứu tiền đề của Lakoff và Johnson [3] vào năm 1980. Luận điểm chính của lý thuyết này là phép ẩn dụ thâm sâu trong cả tư duy lẫn ngôn ngữ.

Nhiều thập kỉ qua, các hiện tượng tự nhiên đã được phản ánh trong nhiều tác phẩm nghệ thuật dưới dạng ẩn dụ ý niệm. Trong đó, “mưa” và “nắng” được xem như những hình tượng ẩn dụ ý niệm xuất hiện phổ biến trong nhiều tác phẩm âm nhạc. Chúng ta hãy xem xét các ví dụ sau:

(1) I don't wanna sound complaining [10]

But you know there's always *rain in my heart*.

I do all the pleasing with you, it's so hard to reason

With you, whoah yeah, why do you make me *blue*.

(Please please me- John Lennon ft. Paul McCartney)

(2) Có mưa ngoài song [12]

Mưa như rót trong lòng

Giọt mưa khuya nhẹ len vào tôi

Tìm chân ai

Chân bước trong đêm dài.

(Những giọt mưa khuya- Trịnh Công Sơn)

Những ví dụ trên đều ẩn chứa ẩn dụ ý niệm về *mưa*, “nỗi buồn là mưa”. Trong đó, cụm từ “rain in my heart” và

“mưa như rót trong lòng” có thể hiểu tương ứng với “nỗi buồn vô vọng trong tình yêu”. Trong một ví dụ khác, chúng ta có thể nhận ra ẩn dụ “sự lạc quan là nắng”. Các nhạc sĩ xem “sự tràn ngập ánh nắng” như “sự chứa chan hy vọng” hay “một tương lai tươi sáng”.

(3) Baby, please stop crying, stop crying, stop crying

Baby, please stop crying, stop crying, stop crying

Baby, please stop crying

You know, I know *the sun will always shine*

So baby, please stop crying 'cause it's tearing up my mind. [11]

(Baby, stop crying- Bob Dylan)

(4) Đường hôm nay dân ta đi tới [12]

Quyết không còn một ngày u-tối

Đường hôm nay dân ta đi tới

Những tim người *rực ngời nắng mai*

Triệu năm tay anh em nối dài.

(Việt Nam ơi vùng lên- Trịnh Công Sơn)

“Mưa” và “nắng” xuất hiện với tần suất cao trong các ca khúc tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Tuy nhiên, hầu như chưa có nghiên cứu nào mô tả cũng như so sánh những gì ẩn sau các từ hoặc cụm từ liên quan đến “mưa” và “nắng” trong các ca khúc.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm về ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff và Johnson [3], ẩn dụ ý niệm đi sâu vào đời sống hằng ngày, không những trong ngôn ngữ mà còn

trong cả tư duy và hành động. Hệ thống ý niệm của chúng ta, về mặt tư duy và hành động cơ bản đều là ẩn dụ.

Kovescses [2] định nghĩa ẩn dụ tri nhận là sự hiểu biết một miền tri nhận này thông qua miền tri nhận khác.

2.1.2. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Theo ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ có thể chia theo tính ước lệ, chức năng, bản chất và mức độ tổng quát của ẩn dụ [2]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ xem xét về chức năng tri nhận của ẩn dụ. Theo đó, ẩn dụ ý niệm bao gồm 3 loại: cấu trúc, bản thể và định hướng.

a. Ẩn dụ cấu trúc

Theo cách hiểu chung nhất, ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ mà trong đó miền tri nhận nguồn cung cấp một cấu trúc ẩn dụ tương đối phong phú cho miền tri nhận đích. Hay nói cách khác, chức năng tri nhận của loại ẩn dụ này là giúp người nói hiểu được đích A thông qua cấu trúc của nguồn B [2].

b. Ẩn dụ bản thể

Loại ẩn dụ này có thể hiểu như là ẩn dụ thực thể và vật chất. Chúng ta sử dụng ẩn dụ bản thể để giải thích về sự kiện, hành động, hoạt động và trạng thái. Sự kiện và hành động được ý niệm hoá là vật thể, hoạt động là vật chất và trạng thái là vật chứa đựng [3].

c. Ẩn dụ định hướng

Trong loại ẩn dụ này miền tri nhận nguồn có khuynh hướng được định nghĩa theo một chuẩn thống nhất, hướng lên và hướng xuống [3].

2.1.3. Phóng chiếu ẩn dụ

Theo Lakoff và Turner [4], sau cùng, ẩn dụ không phải là một biểu thức ngôn ngữ. Nó là phóng chiếu từ miền tri nhận này tới một miền tri nhận khác. Và phóng chiếu bao gồm 3 phần: 2 đầu (bao gồm nguồn và đích) và câu nối giữa chúng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp miêu tả và đối chiếu được kết hợp với phương pháp định tính và định lượng. Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ khoảng 300 bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt với 360 ví dụ về ẩn dụ ý niệm liên quan đến “mưa” và “nắng”.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Điểm tương đồng và khác biệt của ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa” trong các ca khúc tiếng Anh so với tiếng Việt thế kỉ 20

3.1.1. Điểm tương đồng

Những ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa” như: *nỗi buồn là mưa*, *rủi ro là mưa* và *mưa hướng xuống* đều xuất hiện trong cả những ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt.

Chúng ta có thể thấy rõ qua các ví dụ sau:

- (5) Bóng không là bóng bóng ở nơi nào. [12]
 Bóng không là bóng không ở trong ao.
 Bóng nhảy lên bờ bóng đi chơi phố.
 Nắng vàng ủng hộ cho bóng căn nhà.

Tìm tình tìm tình trong nắng em gặp cơn *mưa*.

Ô hay tìm tình giữa ngọc buồn lụa thừa về.

Tìm tình tìm tình trên núi em gặp mây bay.

Ô hay tìm tình giữa chợ tình phai mất rồi.

(Bóng không là bóng- Trịnh Công Sơn)

- (6) Everybody's talkin' 'bout me. [10]
 I don't hear a word they're sayin'
 Only the echoes in my mind.
 Everybody stops to starin'.
 I don't even see their faces
 Only the shadows of their eyes.
 I'm goin' where the sun keeps shinin'
 Through the fallin' rain.

(Everybody's talkin' - Willie Nelson)

Trong ví dụ (5) và (6), “mưa” được hiểu như rủi ro trên đường tình và trên đường đời. Tiếp theo, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra ẩn dụ *mưa hướng xuống* qua hai ví dụ sau:

- (7) Well, I struggled through barbed wire, [11]
 Felt the hail fall from above.
 Well, I struggled through barbed wire,
 Felt the hail fall from above
 Well, you know I even outran the hound dogs.

(Meet me in the morning- Bob Dylan)

- (8) Mưa có rơi và nắng có phai [9]
 Trên cuộc tình yêu em ngày nào.
 Ta đã yêu và ta đã mơ,
 Mơ trắng sao đưa đến bên người.

(Bản tình cuối- Ngô Thụy Miên)

Trong tiếng Anh, từ “fall” vốn đã định hướng xuống dưới. Tương tự, trong tiếng Việt, từ “rơi” cũng mang bản chất hướng xuống.

3.1.2. Điểm khác biệt

Ngoài những điểm tương đồng trên, chúng ta có thể thấy những điểm khác biệt sau:

Ẩn dụ ý niệm *mưa là thực thể sống* chỉ xuất hiện trong tiếng Việt. Chẳng hạn khi nói đến con người, một thực thể sống, ta có ví dụ:

- (9) Em đứng lên gọi mưa vào Hạ. [12]
 Từng cơn mưa từng cơn mưa.
 Từng cơn mưa *mưa thì thấm* dưới chân ngà.

(Gọi tên bốn mùa- Trịnh Công Sơn)

Ở đây “mưa” được hiểu như một con người có hành động “thì thấm”. Con mưa như nhẹ nhàng, đều đặn dỗi theo bước chân người thiếu nữ.

Ẩn dụ ý niệm *kết thúc là mưa* và *vật thể cụ thể là mưa* chỉ xuất hiện trong tiếng Anh.

- (10) Someone told me long ago. [10]
 There's a calm before the storm,
 I know; it's been comin' for some time.
 When it's over, so they say,

It'll *rain* a sunny day,
I know; shinin' down like water.

I want to know, have you ever seen the *rain*?
I want to know, have you ever seen the *rain*?
Comin' down on a sunny day?

(Have you ever seen the rain?- John Fogerty)

Ví dụ trên là một bài hát của John Fogerty [6], một nhạc sĩ nổi tiếng người Mỹ. Các sáng tác của ông thường được liên tưởng đến chiến tranh Việt Nam. Trong ca khúc này cơn mưa được hiểu như là cơn mưa bom. Thật vậy, vào mùa hè năm 1968, hàng triệu lít chất độc đã được rải xuống Việt Nam. Do đó, ông đã lấy hình tượng *mưa* để nói về những trận bom hoá chất này.

Bảng 1. So sánh ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20

Ẩn dụ ý niệm về mưa		Tiếng Anh	Tiếng Việt
1. Nỗi buồn là mưa		+	+
2. Rủi ro là mưa		+	+
3. Kết thúc là mưa		+	-
4. Vật thể cụ thể là mưa		+	-
5. Mưa là một thực thể sống	a. Mưa là con người	-	+
	b. Mưa là cây cối	-	+
	c. Mưa là động vật	-	+
6. Mưa hướng xuống		+	+

3.2. Điểm tương đồng và khác biệt của ẩn dụ ý niệm về “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh so với tiếng Việt thế kỷ 20

3.2.1. Điểm tương đồng

Ẩn dụ ý niệm hạnh phúc là nắng, nỗi buồn là thiếu nắng, tình yêu là nắng và sự lạc quan là nắng xuất hiện trong những ca khúc cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

Ánh nắng có lúc rực rỡ có lúc chợt tắt cũng như tình yêu có những niềm hạnh phúc và cả những nỗi buồn:

(11) Tình yêu như vết cháy [12]
Trên da thịt người.
Tình xa như trời,
Tình gần như khói mây,
Tình trầm như bóng cây,
Tình reo vui như nắng,
Tình buồn làm con say.

(Tình sầu- Trịnh Công Sơn)

(12) Mưa có rơi và nắng có phai [9]
Trên cuộc tình yêu em ngày nào.
Ta đã yêu và ta đã mơ,
Mơ trắng sao đưa đến bên người.
(Bản tình cuối- Ngô Thụy Miên)

Để làm rõ hơn ẩn dụ hạnh phúc là nắng, chúng ta hãy cảm nhận những ví dụ sau:

(13) Anh muốn được cùng em, về miền biển vắng. [9]

Mình sẽ sống những ngày hè thơm nắng.
Dưới bóng dừa lá loi, sẽ nói yêu em mãi
Sẽ nói lời yêu thương đã từ lâu anh giữ trong lòng hoài.
(Lời yêu thương- Đức Huy)

(14) Was a sunny day. [10]
Not a cloud was in the sky.
Not a negative word was heard
From the peoples passing by.
Was a sunny day.
All the birdies in the trees
And the radio's singing song
All my favourite melodies.

(Was a sunny day- Paul Simon)

Trong 2 ví dụ trên, “ngày hè thơm nắng” và “a sunny day” được hiểu tương ứng với “một giai đoạn hạnh phúc”.

Nếu “trần ngập ánh nắng” được hiểu là “trần ngập niềm hạnh phúc” thì ta có thể suy ra “thiếu ánh nắng” là “nỗi buồn”

(15) Ain't no sunshine when she's gone. [10]
It's not warm when she's away.
Ain't no sunshine when she's gone.
And she's always gone too long
Anytime she goes away.

(Ain't no sunshine- Bill Withers)

(16) Suối ơi [9]
Tình sâu như suối biết bao giờ vui.
Màu trời in nước áo em tơ mềm nghèo nàn.
Mình chợt buồn như nắng chiều sắp tàn.

(Kỉ niệm trong chiều- Lê Uyên Phương)

3.2.2. Điểm khác biệt

Một số ẩn dụ ý niệm chỉ xuất hiện trong những ca khúc tiếng Việt bao gồm *nắng là cây cối*, *nắng là động vật và nắng hướng lên*.

Chúng ta có thể xem xét những ví dụ sau:
(17) Trời *thơm nắng* cho mây hồng. [12]
Mây qua mau em nghiêngng sâu
Còn mưa xuống như hôm nào em đến thăm
Mây âm thầm mang gió lên.

(Mưa hồng- Trịnh Công Sơn)

Ở ví dụ trên, Trịnh Công Sơn [7] “*thơm nắng*” như *thơm* một mảnh non xanh, để nở thành những đoá mây hồng. Vì vậy *nắng* được xem như *cây cối*. Tương tự, *nắng là động vật* được diễn đạt qua hành động “lùa”. Một hành động của người chăn gia súc lại được dùng kết hợp với một hiện tượng tự nhiên:

(18) Lùa *nắng* cho buồn vào tóc em [12]
Bàn tay xanh xao đón ưu phiền
Ngày xưa sao lá thu không vàng
Và nắng chưa vào trong mắt em.

(Nắng thủy tinh- Trịnh Công Sơn)

Ngoài ra, trong các ca khúc tiếng Việt còn có chứa ẩn dụ *nắng hướng lên*:

(19) Đường nào diu tôi đi đến cơn say [12]
Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời
Dù thật lệ rơi lòng không buồn mấy
Giật mình tỉnh ra ò *nắng lên* rồi.

(Bên đời hiu quạnh- Trịnh Công Sơn)

Ẩn dụ ý niệm *Nắng hướng Xuống* chỉ xuất hiện trong tiếng Anh.

Để diễn đạt định hướng xuống, các tác giả Anh Mỹ thường dùng những trạng từ định hướng như *down, upon, on...*

(20) I declare I've had my share [10]
and I've heard it all before.
It's time for me to be stealing away.
Let those rain clouds roll out on the sea.
Let the *sun shines down* on me, hey, hey

(Love has brought me around- James Taylor)

Bảng 2. So sánh ẩn dụ ý niệm về “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20

Ẩn dụ ý niệm về nắng		Tiếng Anh	Tiếng Việt
1. Hạnh phúc là nắng		+	+
2. Nỗi buồn là thiếu nắng		+	+
3. Tình yêu là nắng		+	+
4. Sự lạc quan là nắng		+	+
5. Nắng là một thực thể sống	a. Nắng là con người	+	+
	b. Nắng là cây cối	-	+
	c. Nắng là động vật	-	+
6. Nắng hướng lên		-	+
7. Nắng hướng xuống		+	-

3.3. Giải thích sự hình thành một số hình ảnh ẩn dụ ý niệm về “mưa” và “nắng” trong các ca khúc thế kỷ 20

Ngôn ngữ và văn hoá có một mối quan hệ chặt chẽ. Theo Brown [1], ngôn ngữ là một phần của nền văn hoá và văn hoá là một phần của ngôn ngữ, cả hai đan xen một cách chặt chẽ do đó chúng không thể tách rời nhau; nếu không sẽ mất đi ý nghĩa của một trong hai, ngôn ngữ hoặc văn hoá. Do vậy, văn hoá khác biệt giữa các khu vực làm cho ngôn ngữ cũng thay đổi từ nền văn hoá này sang nền văn hoá khác. Trong đó, ẩn dụ, một hiện tượng phổ biến của ngôn ngữ nói chung và ẩn dụ ý niệm nói riêng cũng không là trường hợp ngoại lệ, nghĩa là nó cũng biến đổi theo định chế văn hoá của từng đất nước. Điều này có thể giải thích cho sự khác biệt của ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa”, “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20.

Theo Trần Ngọc Thêm [5], văn hoá Việt Nam là nền văn hoá gốc nông nghiệp, do đó, người Việt sống gần gũi

thiên nhiên và cây cối. Điều này có thể lý giải sự hình thành của ẩn dụ *mưa là cây cối* và *nắng là cây cối*, 2 ẩn dụ tri nhận không có trong tiếng Anh.

Trong khi đó, với nguồn gốc văn hoá du mục, các nhạc sĩ Anh, Mỹ có cái nhìn khách quan, lý tính và thực nghiệm về hiện tượng xung quanh. Do đó, ẩn dụ *nắng hướng xuống* được hình thành dựa trên cơ sở vật lý hợp lý, ánh nắng chiếu từ mặt trời xuống [8]. Chúng ta có thể thấy rằng, người phương Tây coi ánh nắng khác với mặt trời. Theo đó, “mặt trời mọc” (“the sun rise”) và “nắng chiếu” (“the sunshine is down”) là những hình ảnh thường thấy trong tiếng Anh. Trong khi đó, với quan sát chủ quan, thiên về cảm tính và kinh nghiệm, người Việt có ẩn dụ ý niệm *Nắng hướng lên* dựa trên thực tế rằng người Việt thường xem ánh nắng mặt trời là mặt trời. Do đó, họ thường giả định “nắng lên” và hình ảnh này thường được thể hiện qua các ca khúc tiếng Việt.

Cuối cùng, tôn giáo, một yếu tố không thể thiếu của văn hoá, cũng ảnh hưởng đến việc hình thành ẩn dụ ý niệm về “mưa”. Theo như Kinh Cựu ước, “mưa” tượng trưng cho công cụ thực hiện cơn thịnh nộ của Chúa trời. Quan niệm này có thể là nguyên nhân hình thành ẩn dụ *kết thúc là mưa* trong các ca khúc tiếng Anh.

4. Kết luận

Tác giả bài viết này hy vọng những kết quả rút ra từ nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về “rain”/ “mưa”, “sunshine”/ “nắng” trong các ca khúc tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỷ 20 có thể mang đến cho người đọc những cái nhìn mới và thú vị về hình tượng “mưa” và “nắng” trong những tác phẩm âm nhạc. Đồng thời, việc giải thích sự hình thành một số hình ảnh ẩn dụ về “mưa” và “nắng” cũng giúp cho người đọc nói chung và người học ngoại ngữ Anh, Việt nói riêng có thể hiểu rõ hơn nguyên nhân sâu xa của sự khác biệt về những ẩn dụ ý niệm này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Brown, H.D., *Principles of Language Learning and Teaching*, Third Edition, Prentice Hall Regents, New Jersey, 1994.
[2] Kövecses, Z., *Metaphor: A Practical Introduction*, Second Edition, Oxford University Press, Oxford, 2010.
[3] Lakoff, G. & Johnson, M., *Metaphor We Live By*, University of Chicago Press, Chicago, 1980.
[4] Lakoff, G. & Turner, M., *More Than Cool Reason: A Field Guide to Poetic Metaphor*, University of Chicago Press, Chicago, 1989.
[5] Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
[6] http://en.wikipedia.org/wiki/John_Fogerty
[7] http://vi.wikipedia.org/wiki/Trịnh_Công_Son
[8] <http://en.wikipedia.org/wiki/Sunlight>
[9] <http://lyric.tkaraoke.com>
[10] <http://www.azlyrics.com>
[11] <http://www.bobdylan.com/us/home>
[12] Trịnh Công Sơn, *Tuyển Tập Những bài ca không năm tháng của Trịnh Công Sơn*, Nhà xuất bản Âm nhạc, 1998.